

NGHỊ QUYẾT
Về kết quả phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh giữa 2 kỳ họp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH₁₁ ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Trên cơ sở xem xét Báo cáo số 08/BC-HĐND ngày 01/12/2011 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung giải quyết những vấn đề phát sinh giữa 02 kỳ họp (kỳ họp thứ 2 và kỳ họp thứ 3 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI) đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thỏa thuận, thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

1. Kế hoạch nhu cầu sử dụng đất thực hiện các dự án công trình cấp bách năm 2011 trên cơ sở quỹ đất đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2006-2010 còn lại chưa sử dụng hết, được tiếp tục sử dụng cho công trình, dự án cấp bách trong khi Kế hoạch sử dụng đất 2011-2015 và Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo tinh thần Công văn số 979/TTg-KTN của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo.

Tên công trình, dự án	Tổng diện tích (ha)	Trong đó:		Thời gian thực hiện		Ghi chú
		Đất sản xuất nông nghiệp (ha)				
		Tổng số (ha)	Trong đó: đất lúa (ha)	Đã thực hiện từ 01/2011 đến 30/6/2012	Từ 01/7/ 2011 đến 31/12/ 2011	
Huyện Vân Canh	100.09	97.95	4.50	70.45		

- Đất khu dân cư	5.10	5.10				
- Đất dự án phục vụ mục đích công cộng	73.30	72.85	4.50	70.45		
- Dự án phục vụ SXKD phi nông nghiệp	21.69	20.00				
Huyện Hoài Ân	92.42	52.87	28.86	25.74		
- Đất khu dân cư	20.89	17.72	8.10	4.15		
- Đất dự án phục vụ mục đích công cộng	68.60	33.82	20.03	18.66		
- Dự án phục vụ SXKD phi nông nghiệp	2.93	1.33	0.73	2.93		
Huyện Hoài Nhơn	276.44	206.82	28.27	84.44		
- Đất khu dân cư	27.12	22.63	4.92	17.46		
- Đất dự án phục vụ mục đích công cộng	116.90	91.46	21.07	19.87		
- Dự án phục vụ SXKD phi nông nghiệp	132.42	92.73	2.28	47.11		
Huyện Phù Mỹ	48.05	32.89	16.34	5.64		
- Đất khu dân cư	21.70	13.57	5.54			
- Đất dự án phục vụ mục đích công cộng	24.71	18.18	10.17	4.50		
- Dự án phục vụ SXKD phi nông nghiệp	1.64	1.14	0.63	1.14		
Huyện An Nhơn	163.04	109.60	81.04	9.49		
- Đất khu dân cư	76.22	55.29	37.54	3.89		
- Đất dự án phục vụ mục đích công cộng	25.70	6.68	3.23	5.60		
- Dự án phục vụ SXKD phi nông nghiệp	61.12	47.63	40.27			
Huyện An Lão	37.80	14.45	5.45	1.80		
- Đất khu dân cư	5.93	2.58		1.80		
- Đất dự án phục vụ mục đích công cộng	31.87	11.87	5.45			
Huyện Tây Sơn	263.02	202.43	82.23	112.50		
- Đất khu dân cư	39.89	27.64	6.47			
- Đất dự án phục vụ mục đích công cộng	161.38	130.47	64.07	97.50		
- Dự án phục vụ SXKD phi nông nghiệp	61.75	44.32	11.69	15.00		
Huyện Vĩnh Thạnh	17.00	10.37	1.04	2.42		
- Đất khu dân cư	8.24	4.08	0.33	0.74		
- Đất dự án phục vụ mục đích công cộng	8.76	6.29	0.71	1.68		
Huyện Tuy Phước	59.50	58.18	44.11			

- Đất khu dân cư	24.74	23.42	15.12			
- Đất dự án phục vụ mục đích công cộng	21.65	21.65	20.65			
- Dự án phục vụ SXKD phi nông nghiệp	13.11	13.11	8.34			
Huyện Phù Cát	77.46	47.73	21.39	13.08		
- Đất khu dân cư	56.72	37.37	17.77	7.54		
- Đất dự án phục vụ mục đích công cộng	13.63	9.39	2.88	5.54		
- Dự án phục vụ SXKD phi nông nghiệp	7.11	0.97				
TP Quy Nhơn	618.52	229.54	174.88	56.52		
- Đất khu dân cư	219.50	153.65	128.80	28.60		
- Đất dự án phục vụ mục đích công cộng	349.10	62.69	34.08	12.92		
- Dự án phục vụ SXKD phi nông nghiệp	49.92	13.20	12.00	15.00		
Các Dự án do các sở, ngành thuộc tỉnh là chủ đầu tư	718.18	84.03	25.12			
- Sở Giao thông vận tải	359.20	55.00	10.00			
- Sở Nông nghiệp-PTNT	35.16	19.30	12.00			Trừ công trình hồ Vạn Hội, hồ Ông Lãnh, Dự án thủy lợi Văn Phong đã tính vào các huyện liên quan
- Các sở, ngành khác	25.82	9.73	3.12			
- Khu du lịch tâm linh Mỹ Tho	200.00					
- Cụm kho Nhơn Tân	50.00					
Cụm kho Long Hải + chế biến đá	48.00					
Cộng toàn tỉnh, gồm:	2.471.52	1.146.86	513.23	382.08		
- Đất khu dân cư	506.05	363.05	224.59	64.18		
- Đất dự án phục vụ mục đích công cộng	1.315.78	549.38	211.96	236.72		
- Dự án phục vụ SXKD phi nông nghiệp	649.69	234.43	75.94	81.18		

2. Quy định đơn giá đất ở khu tái định cư Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh như sau:

TT	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá (đồng/m ²)
1	Đường số 1	20-22	2.962.000
2	Đường số 2	17,5	2.834.000
3	Đường số 3	16	2.756.000
4	Đường số 4	14	2.705.000
5	Đường số 5	13	
	- Đoạn giáp dải cây xanh và hướng mặt tiền ra đường Quy Nhơn – Nhơn Hội		2.962.000
	- Các đoạn phía Đông đường số 2		2.756.000
	- Các đoạn phía Tây đường số 2		2.705.000
6	Đường số 6	13-14	2.705.000
7	Đường số 8	13-14	2.705.000
8	Đường số 6; 7; 8 và 12 (phía Đông đường số 2)	12	2.628.000
9	Đường số 9; 10; 11; và 13 (phía Tây đường số 2)	12	2.576.000

3. Thống nhất bổ sung kinh phí cho Quỹ thi đua khen thưởng của tỉnh năm 2011 số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), nhưng không làm ảnh hưởng đến kế hoạch chi ngân sách năm 2011 cho các ngành, cơ quan, đơn vị đã được HĐND tỉnh thông qua và UBND tỉnh quyết định giao kế hoạch đầu năm.

4. Thống nhất về việc ban hành Lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn tỉnh như sau:

4.1. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, phải nộp lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

4.2. Mức thu:

- Mức thu lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô: 200.000 đồng/giấy phép;

- Trường hợp cấp đổi, cấp lại (do mất, hỏng hoặc có thay đổi về điều kiện kinh doanh liên quan đến nội dung trong Giấy phép): 50.000 đồng/ lần cấp.

4.3. Cơ quan thu: Sở Giao thông vận tải.

4.4. Tỷ lệ % để lại cho đơn vị thu 40%; phần còn lại 60% nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2011./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (b/cáo);
- VPQH, VPCP; Bộ Tư pháp (Cục Ktra VBQPPL);
- Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT;
- Bộ TN&MT, Bộ GT-VT;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh và các đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- Sở Tư pháp; TT Công báo tỉnh;
- VP UBND tỉnh, VP ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lưu VT, hồ sơ kỳ họp.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Tùng